TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 22-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Trần Văn Hợp

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Đàm Văn V, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn T và bà Vũ Thị N; vợ là: Phạm Thị L; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 09-01-2019, đến ngày 14-01-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Đặng Thị Minh Loan - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn H: Bà Nguyễn Thị M, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị Ng, vắng mặt;

2. Cháu Lê Văn H, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Hiếu: Ông Lê Văn C, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà Đàm Văn V với nhà bà Nguyễn Thị M là hàng xóm. V đã nhiều lần sang nhà bà M chơi nên biết nhà bà M có một chiếc két sắt để ở trong nhà. Do bản thân là người nghiện ma túy, V đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong két sắt của gia đình bà M để lấy tiền mua ma túy.

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 07-01-2019, lợi dụng gia đình bà M không có ai ở nhà, V đội mũ vải có gắn khẩu trang che mặt, mặc áo da, quần thun, đeo găng tay, đi giày và mang theo công cụ để cạy phá két gồm: Một bật lửa nhãn hiệu Zippo màu trắng; một chiếc đục bằng kim loại có 06 cạnh, dài 26cm; một thanh kim loại hình hộp dài 61,5cm, một đầu quấn vải màu xanh, một đầu gắn chiếc đục bê tông; một thanh kim loại hình hộp dài 37,5cm; một chiếc đục (làm đồ mộc) bằng kim loại sang nhà bà M. Khi đến nơi, thấy cổng không khóa nên V đi ra phía cửa sau nhà. Thấy cửa được khóa bằng chiếc khóa nhỏ, V dùng tay giật mạnh thì khóa ruột ra. V đi vào trong nhà tới chỗ két sắt, dùng bật lửa đốt nóng ổ khóa để mở két sắt nhưng không mở được. V lấy chiếc đục gỗ cho vào khe phía trên bên phải của két sắt và dùng tay bẩy để lấy khe hở, rồi cho hai chiếc đục khác vào để bậy cửa két sắt. Khoảng 20 phút sau, V mở được két sắt. V thấy bên trong có một túi nilon màu đỏ, trong túi có một chiếc túi màu đỏ đen chứa nhiều tiền. V lấy hết số tiền trong ví cho vào túi áo ngực bên trái đang mặc, cho ví vào túi nilon để lại trong két rồi đóng cửa két lại. Khi V đi ra đến gần cửa sau thì bà M mở cửa đi vào. Thấy V, bà M đi lại gần giật mũ vải có gắn khẩu trang che mặt của V và nhận ra V. Bà M lấy tay móc trong túi áo của V đang mặc lấy lại số tiền V đã trộm cắp được. V xin lỗi bà M và xin 100.000 đồng, bà M đồng ý cho V. V cầm tiền rồi bỏ đi. Bà M kiểm tra lại, thấy két sắt bị cạy phá, ngoài số tiền đã thu lại được, bà còn mất 2.500.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng trọng lượng hai chỉ. Do đó, bà M đã trình báo Cơ quan Công an để xử lý.

Cơ quan Công an đã tiến hành thu giữ vật chứng, trong đó có số tiền bà M lấy lại được từ trong túi áo của V để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đến ngày 09-01-2019, V bị Cơ quan điều tra bắt giữ. Sau đó, bà M kiểm tra lại thấy số tiền 2.500.000 đồng và chiếc nhẫn vàng trọng lượng hai chỉ do để ở chỗ khác nên chưa bị trộm cắp nên đã trình báo cho Cơ quan Điều tra được biết.

Sau khi mở niêm phong, kiểm đếm, xác định số tiền V trộm cắp của bà M là 15.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 02/KL-HDĐG ngày 15-01-2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: Chiếc két sắt nhãn hiệu Duc Viet, SIZE K40 có giá trị 360.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 05-4-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố V về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi cạy phá két sắt nhà bà M để trộm cắp tài sản, số tiền trộm cắp được là 15.500.000 đồng và những vật chứng của vụ án bị Cơ quan điều tra thu giữ và đúng như Cáo trạng đã nêu; việc điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo là không oan sai; không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận đã thực hiện hành vi cạy phá két sắt nhà bà M trộm cắp số tiền 15.500.000 đồng. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ cận nghèo;

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tịch, tiêu hủy: Một bật lửa nhãn hiệu Zippo màu trắng; một mũ vải kẻ sọc caro màu vàng, trắng, xanh, có gắn liền khẩu trang; một chiếc đục bằng kim loại có 06 cạnh, dài 26cm; một thanh kim loại hình hộp dài 61,5cm, một đầu quấn vải màu xanh, một đầu gắn chiếc đục bê tông; một thanh kim loại hình hộp dài 37,5cm; một áo da dài tay màu đen; một quần thun dài màu xám và một đôi giày da màu đen.

Một chiếc đục (làm đồ mộc) bằng kim loại và một đôi găng tay V khai đã vứt đi, Cơ quan Điều tra không thu lại được nên không có cơ sở để xử lý.

Số tiền 15.500.000 đồng, một chiếc khóa nhãn hiệu VIETTIEP, một chiếc két sắt nhãn hiệu Duc Viet, SIZE K40 đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho gia đình bà M. Gia đình bà M không yêu cầu V phải bồi thường nên bị cáo không phải bồi thường cho bị hại.

Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị nhất trí với đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, về việc không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã tự nguyện bồi thường đối với những tài sản của bị hại do bị cáo làm hư hỏng nhưng bị hại không nhận, không yêu cầu; tại phiên tòa, bị cáo cũng mang tiền để bồi thường nếu bị hại yêu cầu. Tài sản mà bị cáo trộm cắp chưa dịch chuyển ra khỏi nhà bị hại. Hành vi làm hư hỏng chiếc két sắt đã bị xử phạt hành chính. Vì vậy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện Kiểm sát nêu, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết: *Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại* quy định tại các điểm b, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết *thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải*, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thành hai tình tiết. Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hình vi phạm tội và bị phát hiện, bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nên đã quay lại trả lại tiền cho bị hại. Lúc đó, trong tay của bị cáo vẫn cầm công cụ phạm tội nhưng bị cáo đã không lựa chọn cách hành xử khác hoặc bỏ trốn. Cho thấy, bị cáo không quyết tâm chiếm đoạt bằng được tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Về hình phạt: Bị cáo bị truy tố với mức hình phạt cao nhất là đến 03 năm tù. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, mặc dù nghiện ma túy từ năm 2010 nhưng đã cai nghiện thành công nên nhân thân bị cáo không xấu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo được hưởng án treo để tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa sai lầm.

Đại diện Viện Kiểm sát đồng ý với việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Các tình tiết giảm nhiệm trách nhiện hình sự khác, Đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên như nội dung truy tố. Bị cáo là người nghiện ma túy, đã được cơ quan có thẩm quyền tạo cơ hội cai nghiện nhưng không cai nghiện được nên bị cáo có nhân thân xấu; hành vi phạm tội tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân tại địa phương; bị cáo trộm cắp để lấy tiền để mua ma túy sử dụng, là sử dụng vào

mục đích vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, thống nhất với nội dung bào chữa của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đàm Văn V không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về việc chuẩn bị công cụ phạm tội; việc lợi dụng lúc gia đình bà Nguyễn Thị M ở tổ Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng không có ai ở nhà nên vào koảng 10 giờ 30 phút, ngày 07-01-2019, đã dùng khẩu trang che mặt, sang nhà bà M phá khóa cửa, dùng đục bằng kim loại cạy phá két sắt trộm cắp số tiền 15.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất an ninh, trật tự địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để bị cáo nhận thức rõ chế tài pháp lý mà bị cáo phải chịu đối với hành vi của mình, từ đó có ý thức tôn trọng quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Qua đó, nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên địa bàn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hồ sơ vụ án chỉ có lời khai của bị hại về việc không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại mà không có tài liệu thể hiện việc bị cáo chủ động, tự nguyện trao đổi với bị hại để bồi thường thiệt hại nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại* theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Số tiền bị cáo trộm cắp được đã trả lại cho bị hại. Tuy nhiên, để trộm cắp tài sản, bị cáo đã dùng công cụ cạy phá két sắt của bị hại làm cho chiếc két sắt không còn sử dụng được. Theo kết quả định giá, chiếc két có giá trị 360.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại* theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về nhân thân: Năm 2011, bị cáo bị Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đưa đi cai nghiện bắt buộc. Trong quá trình cai nghiện, bị cáo đã 04 lần vi phạm nội quy, quy định của Cơ sở Cai nghiện ma túy Gia Minh. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận việc gần đây có sử dụng ma túy và mục đích trộm cắp tài sản là để lấy tiền mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Bị cáo không có ý thức sửa chữa sai lầm và tự cải tạo bản thân, cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[12] Về hình phạt chính: Như nhận định tại đoạn [11] nêu trên, bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo không đủ các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của người bào chữa.

[13] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

[14] Một bật lửa nhãn hiệu Zippo màu trắng; một mũ vải kẻ sọc caro màu vàng, trắng, xanh, còn gắn liền khẩu trang; một chiếc đục bằng kim loại có 06 cạnh, dài 26cm; một thanh kim loại hình hộp dài 61,5cm, một đầu quấn vải màu xanh, một đầu gắn chiếc đục bê tông; một thanh kim loại hình hộp dài 37,5cm; một áo da dài tay màu đen; một quần thun dài màu xám và một đôi giày da màu đen là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tịch, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Một chiếc đục (làm đồ mộc) bằng kim loại và một đôi găng tay V đã vứt đi, Cơ quan Điều tra không thu lại được nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xử lý.

[16] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 15.500.000 đồng, một chiếc khóa nhãn hiệu VIETTIEP, một chiếc két sắt nhãn hiệu Duc Viet, SIZE K40 đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho gia đình bà M. Gia đình bà M không yêu cầu V phải bồi thường hay thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiện dân sự đối với bị cáo.

[17] Về vấn đề khác: Bị cáo đã có hành vi hủy hoại tài sản của gia đình bà M là chiếc két sắt nhãn hiệu Duc Viet, SIZE K40. Chiếc két này có giá trị 360.000 đồng. Cơ quan Điều tra đã xử phạt hành chính mà không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội Hủy hoại tài sản theo Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[18] Về án phí: Gia đình bị cáo V thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 38, điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Đàm Văn V phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt Đàm Văn V 09 (*chín*) tháng tù. Trừ cho bị cáo 06 (*sáu*) ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 24 (*hai mươi bốn*) ngày tù, thời gian tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, tiêu hủy 01 (*Một*) bật lửa nhãn hiệu Zippo màu trắng; 01 (*Một*) mũ vải kẻ sọc caro màu vàng, trắng, xanh, còn gắn liền khẩu trang; 01 (*Một*) chiếc đục bằng kim loại có 06 cạnh, dài 26cm; 01 (*Một*) thanh kim loại hình hộp dài 61,5cm, một đầu quấn vải màu xanh, một đầu gắn chiếc đục bê tông; 01 (*Một*) thanh kim loại hình hộp dài 37,5cm; 01 (*Một*) áo da dài tay màu đen; 01 (*Một*) quần thun dài màu xám và 01 (*Một*) đôi giày da màu đen.

Các vật chứng trên được thể hiện trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17-4-2019, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Sự **Trần Văn Hợp** **Phạm Hữu Trường**